CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 133/KT/2015/HĐKT

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v Kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2006.
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012.
- Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập.
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán ban hành theo thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 6/12/2012 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ Nghị Quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ năm 2015 ngày 21/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam, "V/v lựa chọn đơn vị kiểm: Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2015 của Công ty.

Hôm nay, ngày 06 tháng 07 năm 2015, Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Đại diện là	:	**Ông NGUYỄN VĂN THÀNH**
Chức vụ	:	Tổng Giám đốc
Địa chỉ	:	Số 12 Phố Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Điện thoại	:	03203.838025
Fax	:	03203.838024
Tài khoản	:	46010000026133, Ngân hàng BIDV CN Hải Dương
Mã số thuế	:	0 8 0 0 3 0 0 4 4 3

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C TẠI HÀ NỘI
(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Đại diện là	:	**Ông NGUYỄN HOÀNG ĐỨC**
Chức vụ	:	Giám đốc
Địa chỉ	:	40 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	:	(04) 37 367 879
Fax	:	(04) 37 367 869
Tài khoản	:	12310000382925 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Quang Trung
Mã số thuế	:	0300449815 – 002

Sau khi thỏa thuận, hai Bên nhất trí ký Hợp đồng này với các Điều khoản sau:

Điều 1 : Nội dung hợp đồng

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ Kiểm toán Báo cáo tài chính của bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của bên A. Cuộc kiểm toán được tiến hành làm 02 đợt chính:

- Đợt 1: Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015;
- Đợt 2: Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.
    - Lập Báo cáo tài chính kết thúc quý trên cơ sở số liệu Bên A cung cấp, phục vụ cho việc Công bố Thông tin theo Luật chứng khoán hiện hành với Công ty đại chúng quy mô lớn, đã đăng ký giao dịch.

Điều 2 : Trách nhiệm và quyền hạn của các bên

2.1 ***Trách nhiệm của Bên A***

Cuộc kiểm toán của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban Quản trị (trong phạm vi phù hợp) của bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

2.1.1. Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;

2.1.2. Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị (trong phạm vi phù hợp) xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.

2.1.3. Bảo đảm cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Bên B:

a. Quyền tiếp cận với tất cả các tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị (trong phạm vi phù hợp) nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như Chứng từ, Sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

b. Các thông tin bổ sung mà Kiểm toán viên và bên B yêu cầu Ban Giám đốc và Ban Quản trị (trong phạm vi phù hợp) cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

c. Báo cáo tài chính dùng để kiểm toán phải được Bên A ký và đóng dấu chính thức trước khi cung cấp cho Bên B. Việc lập Báo cáo tài chính và công bố các thông tin khác là trách nhiệm của Bên A.

d. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà Kiểm toán viên và bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

2.1.4. Ban Giám đốc và Ban Quản trị (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm

toán Việt nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót và tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính do bên B tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính.

2.1.5. Bố trí địa điểm làm việc và tạo điều kiện thuận lợi cho các Kiểm toán viên của Bên B được cử đến để thực hiện các nội dung đã ghi trong Hợp đồng.

2.1.6. Bên A phải có ý kiến phản hồi về bản Dự thảo Báo cáo kiểm toán trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ khi bên B gửi bản Dự thảo Báo cáo kiểm toán cho bên A.

2.1.7. Thanh toán cho Bên B phí dịch vụ đúng thời hạn đã thỏa thuận tại điều 4 của Hợp đồng này.

2.2 *Trách nhiệm của Bên B*

2.2.1. Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các Chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp về việc Báo cáo tài chính xét trên phương diện tổng thể không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của Kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc Kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quan báo cáo tài chính.

2.2.2. Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử Kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nhiệm thực hiện kiểm toán.

2.2.3. Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc Độc lập, Khách quan và bảo mật về những số liệu, tài liệu, thông tin có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Bên A mà Bên B thu được trong quá trình kiểm toán. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ thông tin cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của Pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc được công bố bởi bên A.

2.2.4. Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán, Theo chuẩn mực Kiểm toán Việt nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và thư giải trình của Ban giám đốc bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của bên A.

2.2.5. Do những hạn chế vốn có của Kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có những rủi ro khó tránh khỏi là Kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu , mặc dù cuộc Kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

2.2.6. Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

Điều 3 : Báo cáo kiểm toán

Sau khi Kết thúc cuộc Kiểm toán (là thời điểm bên A đồng ý dự thảo Báo cáo kiểm toán hoặc tại thời điểm hết thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi bên B gửi dự thảo Báo cáo Kiểm toán mà bên A không có ý kiến phản hồi thì dịch vụ do bên B thực hiện tại điều 1 được coi như hoàn thành), bên B sẽ phát hành Báo cáo cung cấp cho Bên A:

- Đợt 1: Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty mẹ; Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015. Mỗi Báo cáo được phát hành 12 bản tiếng Việt. Bên A giữ 10 bản, Bên B giữ 02 bản.
- Đợt 2: Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty mẹ; Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Mỗi Báo cáo được phát hành 12 bản tiếng Việt. Bên A giữ 10 bản, Bên B giữ 02 bản.
- Thư quản lý (nếu có) đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của Kiểm toán viên nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A, được phát hành 03 bản tiếng Việt, Bên A giữ 02 bản,Bên B giữ 01 bản.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

Nếu Bên A có nhu cầu tăng thêm về số lượng Báo cáo, phần Báo cáo in ấn thêm được thanh toán theo chi phí in ấn thực tế.

Điều 4: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

+ Phí dịch vụ

- Phí DV kiểm toán BCTC năm 2015 của Công ty mẹ:	50.000.000 đồng
- Phí DV kiểm toán BCTC hợp nhất năm 2015:	10.000.000 đồng
- Tổng:	**60.000.000 đồng**
- Thuế GTGT:	6.000.000 đồng
- Cộng phí dịch vụ :	**66.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đồng chẵn./.)

+ Phương thức thanh toán

1. Bằng chuyển khoản qua Ngân hàng.
2. Bên A thanh toán đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng cho Bên B 50% phí dịch vụ trong vòng 15 ngày sau khi ký hợp đồng. Khoản tiền đặt cọc này sẽ được cấn trừ vào số phí dịch vụ bên A phải thanh toán Bên B. Ngay sau khi bên A đồng ý bản Dự thảo Báo cáo kiểm toán hoặc hết thời hết thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi bên B gửi dự thảo Báo cáo Kiểm toán mà bên A không có ý kiến phản hồi, bên B phát hành Hóa đơn phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành và thư yêu cầu thanh toán, bên A sẽ thanh toán cho bên B 50%

phí dịch vụ (sau khi đã cấn trừ khoản đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng). Bên B sẽ giao báo cáo kiểm toán chính thức cho Bên A sau khi nhận đầy đủ phí dịch vụ.

Điều 5: Cam kết thực hiện

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những vấn đề cần thay đổi, bổ sung hai bên cần kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản để có biện pháp giải quyết. Trường hợp hai bên không thể thương lượng thì giải quyết theo Pháp Luật.

Điều 6: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực sau khi hai bên đã ký.
- Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hợp đồng hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.
- Hợp đồng bao gồm 05 trang và được lập thành 04 bản chính bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Tổng Giám đốc	**Giám đốc**
Nguyễn Văn Thành	*Nguyễn Hoàng Đức*